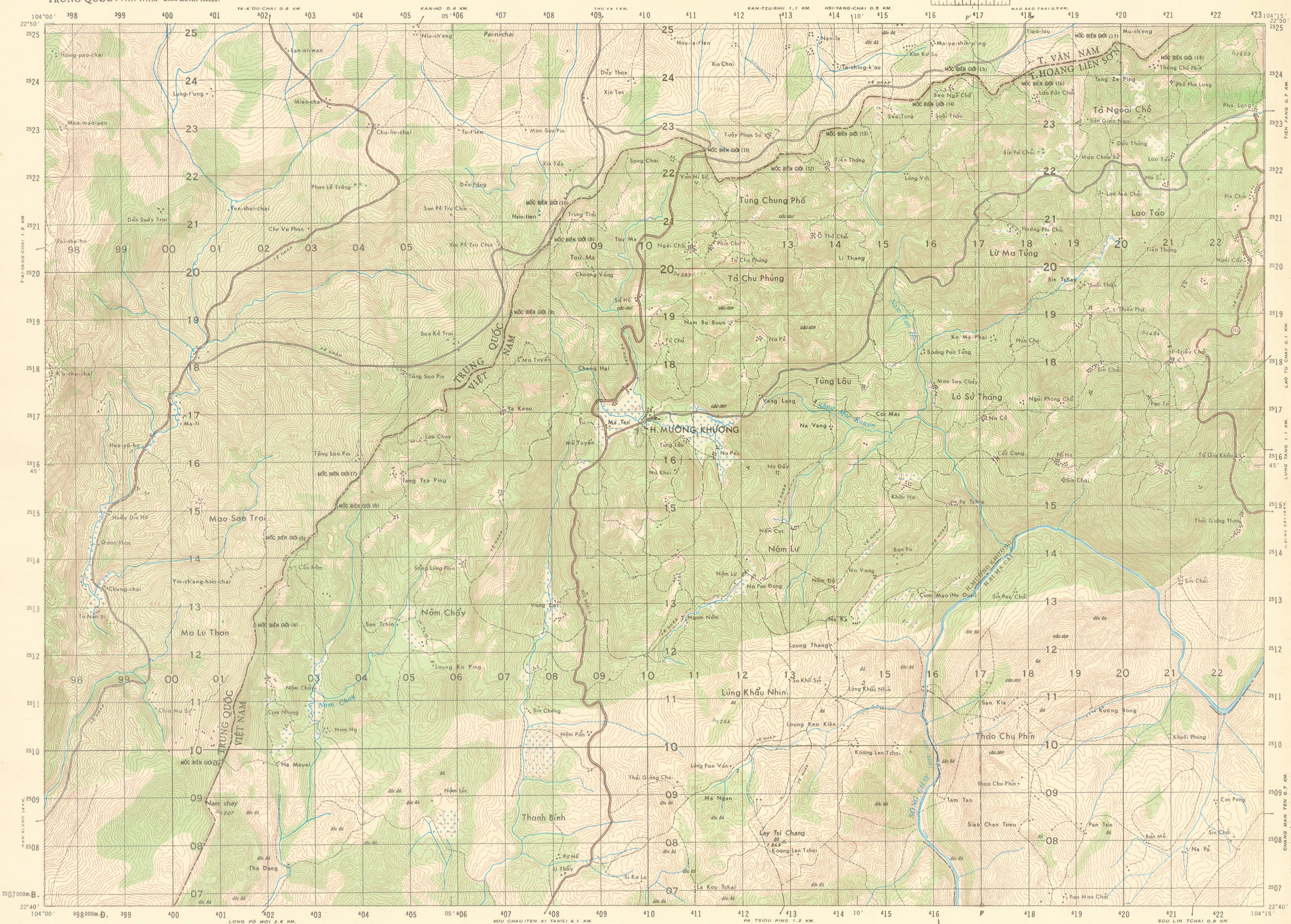


VIỆT NAM: HOÀNG LIÊN SƠN
TRUNG QUỐC: VẠN NAM - MA KUAN HSIEN

BẢN ĐỒ BIÊN GIỚI
QUỐC GIỚI CHƯA XÁC ĐỊNH (VỀ SƠ LƯỢC)

MƯỜNG KHƯƠNG

MẬT SỐ HIỆU 5854 IV



Đường sắt: rãnh 1m, đường ga, đường ga, đường ga

Đường tráng nhựa: đường tráng nhựa, đường tráng nhựa, đường tráng nhựa

Đường cán đá và tráng nhựa mỏng: đường cán đá và tráng nhựa mỏng, đường cán đá và tráng nhựa mỏng, đường cán đá và tráng nhựa mỏng

Đường đất lớn: đường đất lớn, đường đất lớn, đường đất lớn

Đường đất nhỏ: đường đất nhỏ, đường đất nhỏ, đường đất nhỏ

Đường mòn: đường mòn, đường mòn, đường mòn

Địa giới: nước, đất, đất, đất

Đường dây, ống dẫn: đường dây, ống dẫn, đường dây, ống dẫn

Tường rào: tường rào, tường rào, tường rào

Khu dân cư: khu dân cư, khu dân cư, khu dân cư

Trụ sở hành chính: trụ sở hành chính, trụ sở hành chính, trụ sở hành chính

Điểm khống chế: điểm khống chế, điểm khống chế, điểm khống chế

Điểm đo cao: điểm đo cao, điểm đo cao, điểm đo cao

Bệnh viện, Trường học: bệnh viện, trường học, bệnh viện, trường học

Đình chùa lớn, Đình chùa nhỏ: đình chùa lớn, đình chùa nhỏ, đình chùa lớn, đình chùa nhỏ

Nhà thờ lớn, Nhà thờ nhỏ: nhà thờ lớn, nhà thờ nhỏ, nhà thờ lớn, nhà thờ nhỏ

Nhà máy: nhà máy, nhà máy, nhà máy

Bưu cục, Điện tín, Điện thoại: bưu cục, điện tín, điện thoại

Sân kho, Kho xăng, Cây xăng: sân kho, kho xăng, cây xăng

Đài cao, Tháp cao: đài cao, tháp cao, đài cao, tháp cao

Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng: trạm vô tuyến, trạm khí tượng

Lò gạch, vôi, Hầm mỏ: lò gạch, vôi, hầm mỏ

Bãi chi đường, Bãi tin: bãi chi đường, bãi tin

Mỏ, Mộ xây: mỏ, mộ xây

Lò cốt Châm, Núi, Tân tích: lò cốt châm, núi, tân tích

Trại nuôi ong, Hang động: trại nuôi ong, hang động

Cột tín hiệu, Mốc biên giới: cột tín hiệu, mốc biên giới

Cầu sắt: cầu sắt, cầu sắt, cầu sắt

Cầu xây: cầu xây, cầu xây, cầu xây

Cầu gỗ: cầu gỗ, cầu gỗ, cầu gỗ

Cầu bê tông: cầu bê tông, cầu bê tông, cầu bê tông

Bến phà: bến phà, bến phà, bến phà

Bến lái: bến lái, bến lái, bến lái

Thác lớn, Thác nhỏ: thác lớn, thác nhỏ, thác lớn, thác nhỏ

Chình: chình, chình, chình

Đập xây, Đập đất: đập xây, đập đất, đập xây, đập đất

Giếng nước: giếng nước, giếng nước, giếng nước

Kênh, Mương: kênh, mương, kênh, mương

Hồ ao: hồ ao, hồ ao, hồ ao

Nguồn, Bể nước, Giếng: nguồn, bể nước, giếng

Nước đọng: nước đọng, nước đọng, nước đọng

1:50.000

1 CM BẰNG 500 M THỰC ĐỊA

KHOẢNG CAO ĐỀU ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 MÉT

ELIP QUẢ ĐẤT EVEREST, CHIỀU HÌNH UTM MÙI 48

CHUẨN ĐẠI ĐỊA AN ĐỘ 1960, CHUẨN ĐỘ CAO HÀ TIỀN

ĐƯỜNG BỜ BIỂN VẪ PHONG CHƯNG KHÍ THỦY TRIỀU CHẬP NHẤT

GIẢI ĐO GÓC TỰ THIÊN

Sơ với bắc thật: Bắc nam châm lệch về Tây 0°44' (0-12, 0-13); Bắc ở vùng (đỉnh ở trung tâm bản đồ) lệch về Tây 0°20' (0-06, 0-06); Bắc ở vùng ao với bắc nam châm lệch về Đông 0°24' (0-07, 0-07); Số đo trong vòng đơn là số ly giác của 6000 (1 ly giác bằng 30'); Số đo trong vòng đơn là số ly giác của 6000 (1 ly giác bằng 30'); Trại ghi lịch nam châm đo năm 1970

Vùng độ sâu, Độ sâu tính ra mét: vùng độ sâu, độ sâu tính ra mét

Đê biển hay bờ xây, Ruộng muối: đê biển hay bờ xây, ruộng muối

Đất Nham, Lũng, Núi, Đốc đá: đất nham, lũng, núi, đốc đá

Xác tàu, Chìm, Núi, Đền biển: xác tàu, chìm, núi, đền biển

Giới hạn nguy hiểm, Cấm đi, Tăng: giới hạn nguy hiểm, cấm đi, tăng

Nơi bỏ neo, Bến tàu, Vang độ cao: nơi bỏ neo, bến tàu, vang độ cao

Phao, Cát ướt, Cát khô: phao, cát ướt, cát khô

Cây biển, Đất mặn, Núi đá vôi: cây biển, đất mặn, núi đá vôi

Ruộng chiêm, Ruộng mùa, Hoa màu: ruộng chiêm, ruộng mùa, hoa màu

Dừa nước, Đồng lầy, Đất bùn: dừa nước, đồng lầy, đất bùn

Rừng già, Rừng thưa, Bụi rậm: rừng già, rừng thưa, bụi rậm

Thông, Tre, Đay: thông, tre, đay

Đòn dũa, Cao su, Trại, Cây ăn trái: đòn dũa, cao su, trại, cây ăn trái

Dừa, Gỏi, Hạng cây, Cúm cây: dừa, gỏi, hạng cây, cúm cây

THƯỚC ĐỘ ĐỐC

Độ đo khoảng cao đều 20 m

Độ đo khoảng cao đều 10 m

Độ đo khoảng cao đều 5 m

CÁCH ĐƯNG THƯỚC ĐỘ ĐỐC: Đo gián cách giữa 2 điểm trên 2 đường (hoặc 6 đường) bình độ kế nhau. Đo xong đặt vào hướng các đường dọc của thước độ đo, tìm lấy khoảng cách độ dài như thế. Số độ ở dưới nó tức là độ dốc của 2 điểm đó. Nếu gián cách giữa 2 đường bình độ không đều nhau thì nên chia từng đoạn một mà đo.

CAO ĐỘ

ĐỊA GIỚI

BẢNG CHẬP

TRUNG QUỐC

T. V. N. M. H. S. I. M. A. C. A. I.

VIỆT NAM

H. S. I. M. A. C. A. I.

H. M. U. O. N. G. K. H. U. O. N. G.

5854 IV

5854 III

5854 II

5854 I

CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.Đ. N.Đ. V. N.

In lần thứ tư năm 1979 theo 1:500000 U.T.M

in năm 1978

Chính lý bổ sung theo 1:100000 U.T.M in năm 1978

MƯỜNG KHƯƠNG 5854 IV 1:50.000